

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM KÍNH NỘI THẤT XÂY DỰNG PTP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM KÍNH NỘI THẤT XÂY DỰNG PTP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: PTP CONSTRUCTION INTERIOR ALUMINUM GLASS JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0109729224

3. Ngày thành lập: 06/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8A ngách 121 ngõ 255 đường Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987893562-0902161568 Fax:

Email: ktth.nhomkinhnoithatptp@gmail.com Website: ktth.nhomkinhnoithatptp.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất mặt hàng thủ công mỹ nghệ	1629
2.	In ấn (Trừ loại Nhà nước cấm)	1811
3.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
4.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại Nhà nước cấm)	1820
5.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
6.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
7.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
13.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
14.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
16.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

17.	Thu gom rác thải độc hại	3812
18.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Trừ loại Nhà nước cấm)	3822
20.	Tái chế phế liệu	3830
21.	Xây dựng nhà để ở	4101
22.	Xây dựng nhà không để ở	4102
23.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình điện	4221
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
28.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29.	Xây dựng công trình thủy	4291
30.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
31.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329(Chính)
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa, Đại lý ký gửi hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn đồ uống	4633
43.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
44.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663
51.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
52.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
61.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
62.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
63.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
64.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
70.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5229
73.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
75.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
76.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
77.	Lập trình máy vi tính	6201
78.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

79.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; (Loại trừ hoạt động đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, quản lý quỹ, trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật; Không bao gồm hoạt động của các tổ chức tín dụng)	6619
80.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản (Điều 62,69, 74, 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
81.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
82.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
83.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
84.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ; Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ (khoản 2 Điều 45 Luật Chuyển giao Công nghệ 2017; THÔNG TƯ 27/2015/TT-BTNMT) (Trừ hoạt động của nhà báo, tư vấn chứng khoán, thanh toán hối phiếu)	7490
85.	Cho thuê xe có động cơ	7710
86.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; (Điều 30 Luật Du lịch 2017)	7911
89.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành (Điều 31 Luật du lịch năm 2017)	7912

90.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)	7990
91.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng hoá công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 450.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG THỊ HÒA	Thôn Liu Khê, Xã Liên Bạt, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500	225.000.000	5,000	112150709	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.500	225.000.000	5,000		

2	NGUYỄN QUỐC BIÊN	Số nhà 263, tổ 10, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500	225.000.000	5,000	040418600
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	22.500	225.000.000	5,000	
3	PHẠM VĂN TUẤN	Thôn Tuy Lai, Xã Minh Khai, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	90,000	151706110
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 151706110

Ngày cấp: 01/03/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Thôn Tuy Lai, Xã Minh Khai, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 72 Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội